

Số: ~~4711~~ /QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày ~~23~~ tháng ~~9~~ năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 2 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc Tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND thành phố Lai Châu Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 2 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số ~~622~~/TTr-TNMT ngày ~~22~~ / ~~9~~ /2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Hoàng Văn Lin – Cư trú tại: Bản Tả Xin Chải, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 93.401.449 đồng.

(Bằng chữ: Chín mươi ba triệu bốn trăm linh một nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng)

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thành.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Hoàng Văn Lín có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Quản lý dự án 2 – Bộ GTVT;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Xiêng



BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (Bổ sung lần 2)

Dự án: Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc

(Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài- Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)

Kèm theo Quyết định số: 4741/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6=4*5	
1	Hộ ông Hoàng Văn Lin					
	Địa chỉ: Bản Tả Xin Chải, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)					93.401.449
a	Về đất					21.098.200
1	Diện tích thu hồi	m ²	594,0			
2	Loại đất					
2.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	304,3	35.000	10.650.500	
2.2	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	99,4	37.000	3.677.800	
2.3	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	135,6	35.000	4.746.000	
2.4	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	54,7	37.000	2.023.900	
	Vị trí (VT1)					
	<p>Nguồn gốc: - Thửa đất số 1003, 1004; tờ ĐĐ số 119 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC468265 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 12/5/2012.</p> <p>- Thửa đất số 1002, 1057, 1109, 1110, 1111, 1134, 1185, 1186; tờ ĐĐ số 119 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC468266 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 12/5/2012.</p> <p>- Thửa đất số 1058, tờ ĐĐ số 119 thông tin theo ĐĐ địa chính đang quy loại đất giao thông, hiện ông Hoàng Văn Lin đang sử dụng với mục đích đất bằng trồng cây hàng năm. Thửa đất có nguồn gốc: Do ông Hoàng Văn Lin khai hoang sử dụng trước năm 1993 (Không có giấy tờ).</p> <p>- Thửa đất số 1133, tờ ĐĐ số 119 thông tin theo ĐĐ địa chính đang quy loại đất bằng trồng cây hàng năm mang tên ông Hoàng Văn Lin. Thửa đất có nguồn gốc: do ông Hoàng Văn Lin khai hoang sử dụng trước năm 1993 (Không có giấy tờ).</p> <p>- Thửa đất số 12, tờ ĐĐ số 127 thông tin theo ĐĐ địa chính đang quy loại đất nương rẫy mang tên ông Nguyễn Đức Kiên. Thửa đất trên ông Hoàng Văn Lin đang sử dụng. Thửa đất có nguồn gốc: do ông Hoàng Văn Lin khai hoang sử dụng trước năm 1993 (Không có giấy tờ)</p> <p>Đất gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp.</p>					
b	Về tài sản vật kiến trúc					5.330.849
	<p>Một phần tài sản gồm cọc BTCT, BT không cốt thép, đào đắp đất bằng máy do ông Lin tạo lập năm 2012</p> <p>Một phần tài sản gồm BTCT, BT không cốt thép, đào đắp đất bằng máy, kê đá xếp khan do bà Mai Thị Hiền tạo lập năm 2014</p> <p>Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất</p>					
	Phần tài sản nằm trên đất thu hồi					
1	Cọc BT không cốt thép (0,1*0,1*2)*2	cọc	2,00	70.000	140.000	
	Tài sản của bà Mai Thị Hiền đang sử dụng trên đất nhà ông Lin					-
2	Đào đắp đất bằng máy cự ly vận chuyển <=5 km (1,5*160m ²)	m ²	240,0	14.300	3.432.000	
3	Cọc BTCT (0,1*0,1*2)*7	cọc	7,0	70.000	490.000	
4	Bê tông không cốt thép (chân cột) (0,2*0,2*0,5)*7	m ³	0,1	2.550.000	357.000	
5	Kê đá xếp khan (20,4*0,35*0,9)	m ³	6,4	141.900	911.849	
c	Về chính sách hỗ trợ					66.972.400





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác	đồng/m ²	304,3	105.000	31.951.500
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa 1 vụ	đồng/m ²	99,4	148.000	14.711.200
3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	đồng/m ²	135,6	105.000	14.238.000
4	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nuôi trồng thủy sản	đồng/m ²	54,7	111.000	6.071.700



